

Số: 1614/2023/QĐST-DS

Thành phố Thủ Đức, ngày 25 tháng 5 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 17 tháng 5 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ Vụ án dân sự thụ lý số: 505/2022/TLST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Huỳnh Trọng N**, sinh năm 1979.

Địa chỉ: **2 đường N, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.**

Có người đại diện theo ủy quyền: Bà **Nguyễn Thị N1**, sinh năm 1999; địa chỉ: **B đường N, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh** (Theo Giấy ủy quyền ngày 20/4/2023 của **Công ty L1**).

- Bị đơn: Ông **Vũ Nam P**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: **1 đường H, phường A, quận L, Thành phố Hải Phòng.**

Có người đại diện theo ủy quyền: Bà **Nguyễn Anh P1**, sinh năm 2000; địa chỉ: **E đường N, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương** (Theo Giấy ủy quyền số 102/2023, công chứng ngày 20/3/2023 tại **Văn phòng C**, Thành phố Hải Phòng).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ **Công ty Cổ phần A**. Địa chỉ trụ sở: **401/35 đường N, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.**

+ Bà **Lê Võ Yến N2**, sinh năm 1982. Địa chỉ: **2 đường N, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh**.

+ Bà **Trần Thị V**, sinh năm 1990. Địa chỉ: **Số A G đường H, phường A, quận L, Thành phố Hải Phòng**.

Có người đại diện theo ủy quyền: Bà **Nguyễn Anh P1**, sinh năm 2000; địa chỉ: **E đường N, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương** (Theo Giấy ủy quyền số 795/2023, công chứng ngày 14/4/2023 tại Văn phòng công chứng **Nguyễn Đức L**, thành phố Hải Phòng).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Các bên chấm dứt Hợp đồng đặt cọc nền đất tại **khu dân cư A Ven S - Phường T, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh** (*Đảm bảo về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất*) số 290/HĐĐC-AVVS/2018 ngày 03/8/2018 và các Phụ lục kèm theo được ký kết giữa ông **Huỳnh Trọng N** và ông **Vũ Nam P** liên quan đến việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với Thửa đất số 1109, Tờ bản đồ số 19, địa chỉ **phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh** (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 941402, số vào sổ cấp GCN: CH 09024 do **Ủy ban nhân dân Quận I** cấp ngày 14/01/2021).

2.2. Nguyên đơn - ông **Huỳnh Trọng N** phải trả cho bị đơn - ông **Vũ Nam P** số tiền: **806.318.471** (tám trăm lẻ sáu triệu ba trăm mười tám nghìn bốn trăm bảy mươi một) đồng. Thanh toán thành các đợt như sau:

- Đợt 1: Ngay sau khi ký Biên bản hòa giải thành (ngày 17/5/2023), thanh toán số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

- Đợt 2: Ngay sau khi nhận được Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, thanh toán số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng.

- Đợt 3: Đến hết ngày 17/6/2023, thanh toán dứt điểm số tiền còn lại là 506.318.471 (năm trăm lẻ sáu triệu ba trăm mười tám nghìn bốn trăm bảy mươi một) đồng.

Trường hợp nguyên đơn vi phạm bất kỳ nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận nêu trên thì phía bị đơn có quyền yêu cầu nguyên đơn trả một lần toàn bộ số tiền chưa thanh toán còn lại.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho

người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí hòa giải thành sơ thẩm là 18.094.777 (mười tám triệu không trăm chín mươi bốn nghìn bảy trăm bảy mươi bảy) đồng.

- Ông **Huỳnh Trọng N** chịu 50% án phí dân sự sơ thẩm, tương đương 9.047.389 (chín triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn ba trăm tám mươi chín) đồng. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 17.664.172 (mười bảy triệu sáu trăm sáu mươi bốn nghìn một trăm bảy mươi hai) đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0027450 ngày 07/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoàn trả lại cho ông **Huỳnh Trọng N** số tiền 8.616.783 (tám triệu sáu trăm mười sáu nghìn bảy trăm tám mươi ba) đồng theo Biên lai nêu trên.

- Ông **Vũ Nam P** chịu 50% án phí dân sự sơ thẩm, tương đương 9.047.388 (chín triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn ba trăm tám mươi tám) đồng. Ông **P** chưa nộp án phí.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân TP.Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP.Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, Hồ sơ vụ án (Đ-Ngọc), 15.

THẨM PHÁN

Danh Đồi